ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐOÀN ĐÀO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 87/QĐ-UBND	*Đoàn Đào, ngày 14 tháng 07 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐOÀN ĐÀO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Đoàn Đào về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương năm 2022;

Xét đề nghị của Công chức Tài chính - kế toán xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2022 (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức văn phòng thống kê xã, Công chức Tài chính - kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, TC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ngô Đức Đông

UBND XÃ ĐOÀN ĐÀO

Biểu số 116/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 14 tháng 07 năm 2023)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	**44.247.875.860**	**TỔNG SỐ CHI**	**43.914.435.142**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	645.796.269	I. Chi đầu tư phát triển	35.264.288.970
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	31.093.644.829	II. Chi thường xuyên	6.326.085.244
III. Thu bổ sung	10.782.597.550	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã	2.324.060.928
- Bổ sung cân đối	5.121.431.000	sang năm sau (nếu có)	
- Bổ sung có mục tiêu	5.661.166.550		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	439.312.140	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.286.525.072		
Kết dư ngân sách	**333.440.718**		

UBND XÃ ĐOÀN ĐÀO

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 890-UBND ngày 14 tháng 07 năm 2023)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**47.459.431.000**	**38.489.831.000**	**44.372.875.925**	**44.247.875.860**	**93,50**	**114,96**
I	**Các khoản thu 100%**	**208.000.000**	**208.000.000**	**645.797.769**	**645.796.269**	**310,48**	**310,48**
	Phí, lệ phí	58.000.000	58.000.000	65.753.000	65.753.000	113,37	113,37
	Phí môn bài						
	Thuế tài nguyên						
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	80.000.000	80.000.000	372.651.000	372.651.000	465,81	465,81
	Phạt vi phạm hàng chính về trật tự, an ninh, quốc phòng			9.795.859	9.794.359		
	Thu khác	70.000.000	70.000.000	197.597.910	197.597.910	282,28	282,28
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %**	**42.130.000.000**	**33.160.400.000**	**31.218.643.394**	**31.093.644.829**	**74,10**	**93,77**
1	Các khoản thu phân chia	42.130.000.000	33.160.400.000	31.218.643.394	31.093.644.829	74,10	93,77
	- Thuế thu nhập cá nhân	305.000.000	128.500.000	580.175.313	531.269.947	190,22	413,44
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	450.000.000	225.000.000	402.452.284	381.032.700	89,43	169,35
	- Lệ phí môn bài			13.600.000	13.600.000		
	- Thuế GTGT+TNDN	130.000.000	52.000.000	153.187.213	143.653.598	117,84	276,26
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170.000.000	170.000.000	296.025.854	296.025.854	174,13	174,13
	-Tiền sử dụng đất dôi dư						
	- Tiền sử dụng đất	40.700.000.000	32.506.000.000	29.611.093.570	29.611.093.570	72,75	91,09
	- Tiền thuê đất	370.000.000	74.000.000	156.070.400	110.930.400	42,18	149,91
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.000.000	4.900.000	6.038.760	6.038.760	120,78	123,24
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**1.286.525.072**	**1.286.525.072**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**			**439.312.140**	**439.312.140**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**5.121.431.000**	**5.121.431.000**	**10.782.597.550**	**10.782.597.550**	**210,54**	**210,54**
	- Thu bổ sung cân đối	5.121.431.000	5.121.431.000	5.121.431.000	5.121.431.000	100,00	100,00
	- Thu bổ sung có mục tiêu			5.661.166.550	5.661.166.550		

BND XÃ ĐOÀN ĐÀO

Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 14 tháng 07 năm 2023)

Đơn vị: đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐTPT	TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	TX	TỔNG SỐ	ĐTPT	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**38.539.831.000**	**32.556.000.000**	**5.983.831.000**	**43.914.435.142**	**35.264.288.970**	**8.650.146.172**	**113,95**		**144,56**
	Trong đó:									
1	Chi dân quân tự vệ	158.684.800		158.684.800	152.564.900		152.564.900	96,14		96,14
2	Chi an ninh trật tự	168.352.800		168.352.800	162.236.550		162.236.550	96,37		96,37
3	Chi giáo dục	0			0					
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công r	0			0					
5	Chi y tế	63.078.000		63.078.000	134.625.449		134.625.449	213,43		213,43
6	Chi văn hóa, thông tin	6.056.000.000	6.041.000.000	15.000.000	5.867.766.402	5.852.802.122	14.964.280	96,89		99,76
7	Chi phát thanh, truyền thanh	28.410.000		28.410.000	24.002.000		24.002.000	84,48		84,48
8	Chi thể dục thể thao	30.000.000		30.000.000	29.760.245		29.760.245	99,20		99,20
9	Chi bảo vệ môi trường	130.000.000		130.000.000	180.700.000		180.700.000	139,00		139,00
10	Chi các hoạt động kinh tế	9.983.000.000	9.238.000.000	745.000.000	30.235.658.848	29.281.116.848	954.542.000	302,87		128,13
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý									
11	Nhà nước, Đảng, đoàn thể	13.189.306.400	8.899.000.000	4.290.306.400	4.481.036.420	130.370.000	4.350.666.420	33,97		101,41
12	Chi cho công tác xã hội	154.999.000		154.999.000	169.875.000		169.875.000	109,60		109,60
13	Chi khác	8.428.000.000	8.378.000.000	50.000.000	152.148.400		152.148.400	1,81		304,30
14	Dự phòng ngân sách	150.000.000		150.000.000						
15	Chi chuyển nguồn NS sang năm s	0			2.324.060.928		2.324.060.928			
16	Chi nộp NS cấp trên									

Rãnh thoát nước thôn Đoàn Đào xã Đoàn Đào đoạn từ ĐH81 đến nhà Hạnh Tâm		403 710 000		377.535.000	302 028 000			226.521.000	75 507 000	
Rãnh thoát nước thôn Đông Cáp xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Quế đến nhà bà Hạnh		372 224 000		348.046.000	278 436 000			208.828.000	69 608 000	
Rãnh thoát nước thôn Đông Cáp xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Trí đến bờ sông		460 234 000		430.349.000	344 278 800			258.209.000	86 069 800	
Rãnh thoát nước thôn Đông Cáp xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Quê đến nhà bà Măng		251 802 000		202.968.000	162 374 600			121.781.000	40 593 600	
Rãnh thoát nước thôn Đoàn Đào xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Nghĩa đến nhà ông Lai		1 166 803 000		1.091.038.000	872 829 600			654.622.000	218 207 600	
Rãnh thoát nước thôn Đoàn Đào xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Khải đến nhà ông Đạo		543 036 000		507.775.000	406 220 000			304.665.000	101 555 000	
Rãnh thoát nước thôn Đoàn Đào xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Cân đến nhà ông Khởi		417 662 000		390.541.000	312 433 200			234.325.000	78 108 200	
Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào đoạn từ DH81 đến nhà ông Đông		1 900 000 000		1 584 761 800	1 584 761 800				1 584 761 800	
Cải tạo nâng cấp 2 tuyến đường nội đồng thôn Đại Duy xã Đoàn Đào (tuyến 1 từ trạm bơm quán đỏ đến ĐH.82: tuyến 2 từ nhà bà Oanh đến gần nhà bà Lư		10 975 020 000		1 000 000 000	1 000 000 000			1.000.000.000		
Nhà văn hóa thôn Đại Duy, xã Đoàn Đào		6 026 574 000		5 292 554 122	5.292.554.122			450.000.000	4 842 554 122	
Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Đoàn Đào		9 117 304 000		8 797 896 011	8.797.896.011				8 797 896 011	
đổi giấy chứng nhận QSDD nông nghiệp thôn Đoàn Đào , xã Đoàn Đào		441 793 000		130 370 000	130.370.000				130 370 000	

UBND XÃ ĐOÀN ĐÀO

Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 14 tháng 07 năm 2023)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công-hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022					
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn			
							Nguồn cân đối NS	Nguồn cấp trên hỗ trợ	Từ đất	Nguồn dân đóng góp
TỔNG SỐ		**60.205.148.000**	**0**	**35.369.643.396**	**35.264.288.970**	**877.554.000**	**0**	**5.392.254.471**	**29.872.034.499**	**0**
I. Công trình hoàn thành		**4.592.606.000**	**0**	**0**	**877.554.000**	**877.554.000**	**0**	**0**	**877.554.000**	
Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Đoàn Đào huyện Phù Cừ		4 001 821 000			317.306.000	317 306 000			317 306 000	
Cải tạo nâng cấp tường bao và các hạng mục phụ trợ nhà văn hoá thôn Kha Duy, xã Đoàn Đào		590 785 000			560 248 000	560 248 000			560 248 000	
II. Công trình khởi công mới		**55.612.542.000**	**0**	**35.369.643.396**	**34.386.734.970**	**0**	**0**	**5.392.254.471**	**28.994.480.499**	
Cải tạo nâng cấp đường GTNT từ nhà ông Yêu đến cống đồng bến nhà ông Lịch Huê thôn Khả Duy, xã Đoàn Đào		7 975 809 000		7 123 305 463	7.123.305.463				7 123 305 463	
Cải tạo nâng cấp đường xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Cống đến nhà ông Dĩ thôn Đông Cáp		6 010 000 000		1 000 000 000	1.000.000.000				1 000 000 000	
CTNC đường GTNT nội đồng xã Đoàn Đào (T1: từ đường liên thôn ĐM-LLC đi máng cấp I TN thôn ĐM; T2: từ đường ĐH.81 đến nhà ông Đạo, thôn Đ Đ; T3: từ Đồng Đò đến Nghĩa trang nhân dân thôn KD)		4 203 802 000		1 997 447 000	1.997.447.000			1.000.000.000	997 447 000	
Đường ra khu chuyển đổi thôn Đoàn Đào xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Hường đến nhà ông Thuân		1 172 436 000		1.096.365.000	1 059 335 000			111.091.471	948 243 529	
Đường ra khu chuyển đổi thôn Đồng Minh xã Đoàn Đào đoạn từ cửa đình 1 đến đường giữa đồi 4		496 687 000		459.940.000	442 488 230			52.355.000	390 133 230	
Đường GTNT thôn Đông Cáp xã Đoàn Đào đoạn từ ĐH82 đến nhà ông Linh (02 tuyến):		1 750 000 000		1.690.518.000	1 623 003 537			198.861.000	1 424 142 537	
Đường ra khu chuyển đổi thôn Đoàn Đào xã Đoàn Đào đoạn từ nhà ông Quốc đến nhà ông Đoan		1 178 018 000		1.147.283.000	1 096 212 807			150.425.000	945 787 807	
Mương thoát nước thôn Đoàn Đào xã Đoàn Đào đoạn từ nhà bà Chiến đến nhà ông Tuấn		749 628 000		700.951.000	560 760 800			420.571.000	140 189 800	

UBND XÃ ĐOÀN ĐÀO

Biểu số 120/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 8 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 07 năm 2023)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**137.000.000**	**137.000.000**	**-**	**3.195.740.442**	**2.600.818.590**	**567.963.526**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài NS	137.000.000	137.000.000	-	3.195.740.442	2.600.818.590	567.963.526
Qũy đền ơn đáp nghĩa	30.000.000	30.000.000	-	55.468.871	28.106.000	27.362.871
Qũy vì người nghèo	29.000.000	29.000.000	-	29.675.071	26.990.000	2.685.071
Qũy thi đua khen thưởng	20.000.000	20.000.000	-	20 000 000	24 599 500	(4.599.500)
Qũy tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách			-			-
Qũy tiền gửi khác	28.000.000	28.000.000	-	3.048.157.174	2.505.642.090	542.515.084
Qũy bảo trợ trẻ em	30.000.000	30.000.000	-	42.439.326	15.481.000	26.958.326
2. Các hoạt động sự nghiệp						